TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2024/DS-PT
Ngày 17-9-2024
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất, buộc chấm dứt hành vi tranh chấp.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Đức Chiến

Các Thẩm phán: Ông Phùng Đức Chính

Ông Vi Đức Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Phương Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2024/TLPT-DS ngày 05 tháng 7 năm 2024 về việc " Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất, buộc chấm dứt hành vi tranh chấp".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2024/DS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 26/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 8 năm 2024 của TAND tỉnh Lạng Sơn, Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2024/QĐ-PT ngày 20/8/2024, Thông báo chuyển thời gian xét xử vụ án số 24/TB-TA ngày 09/9/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Vy Thị M, sinh năm 1959, có mặt;

- *Bị đơn:* Ông Nông Văn P, sinh năm 1961, có mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn Nà P, xã Hoàng Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Lương Thị X, sinh năm 1993, có mặt;

2. Anh Nông Văn Đ, sinh năm 1988, vắng mặt;

3. Anh Nông Văn B, sinh năm 1984, có mặt;

4. Ông Nông Văn L, sinh năm 1976, có mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn Nà P, xã Hoàng Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

5. Ủy ban nhân dân phường Tam T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị N - Công chức địa chính, xây dựng, đô thị và môi trường phường Tam T, thành phố L; vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Ông Lý Viết H; địa chỉ: Thôn Nà P, xã Hoàng Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Ông Vi Văn C; địa chỉ: Thôn Nà P, xã Hoàng Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Vy Thị M là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Diện tích đất tranh chấp gồm 189 m^2 (kí hiệu thửa tạm là 22.1; 22.2 và 22.3, vị trí đỉnh thửa A10,N5,A9,A8,A7,A6,A5,A4,A3,A2,N3) thuộc 1 phần thửa số 22 tờ bản đồ số 48 bản đồ địa chính phường Tam T và 37,2 m^2 (kí hiệu thửa tạm là 04.1 và 04.2 vị trí đỉnh thửa là A10,A1,N1,N2,A2,N3) thuộc 1 phần thửa đất số 4, tờ bản đồ địa chính số 39 bản đồ địa chính phường Tam T, thành phố L có địa chỉ tại khối *, phường Tam T, thành phố L có nguồn gốc là đất đồi hoang không được giao cho cá nhân nào quản lý, sử dụng. Năm 1980 ông Nông Văn P đã quản lý, trồng sắn trên đất tranh chấp. Đến năm 2023, ông Nông Văn P xây dựng khuôn viên mộ, nên mới phát sinh tranh chấp.

Nguyên đơn bà Vy Thị M trình bày: Đất nhà bà thuộc khu vực đồi Pò Yên M, đường Nà T, khối *, phường Tam T, thành phố L, thuộc thửa đất số 04, tờ bản đồ số 39, có diện tích khoảng 244m^2. Đất tiếp giáp với đất của các ông Nông Văn P, Nông Văn L, Vy Văn C. Tổng diện tích đồi nhà bà khoảng 5000 m^2. Đất nhà bà không có giấy tờ gì, không có sổ xanh, sổ đỏ, không có khế ước mua bán gì với ai. Về nguồn gốc đất, quá trình quản lý, sử dụng: Là đất hoang, từ năm 1986 bà bắt đầu quản lý. Thời điểm bà quản lý thì đất là đồi trọc, không có cây cối gì, sau này thỉnh thoảng có cây sa mộc, cây thông tự mọc. Bản thân bà từ năm 1986 đến năm 2012 không được trồng cây gì. Hàng năm bà chỉ đi lên phát cỏ, lấy củi. Đến khoảng năm 2011, 2012 bà có được trồng khoảng 100 cây bạch đàn, bà nghĩ là ông Nông Văn P nhổ cây bạch đàn của bà, nhưng bà không báo chính quyền xã, thôn việc này. Đến khoảng năm 2017, 2018 cây bị cháy, hiện nay trên đất tranh chấp không còn cây bạch đàn nào. Ngoài bạch đàn thì bà không được trồng cây nào khác. Về việc bà quản lý, sử dụng đất, trồng cây bạch đàn, lấy củi thì chỉ có bà làm và ngoài ra còn có chị Lương Thị X là con dâu bà có được đi cạo nhựa thông. Ngoài ra không còn ai quản lý, sử dụng, canh tác gì

trên đất tranh chấp. Từ năm 1986 đến nay bà chưa ra Ủy ban phường Tam T hay đến cơ quan có thẩm quyền nào để đi kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao giờ. Đất nhà ông Nông Văn P tiếp giáp với đất nhà bà, đất nhà bà ở trên, đất nhà ông Nông Văn P ở phía dưới. Thời điểm ông Nông Văn P xây khuôn viên mộ thì bà không biết. Đến khoảng tháng 3, tháng 4 năm 2023 khi ông Nông Văn P xây khuôn viên mộ xong thì gia đình bà mới phát hiện ông Nông Văn P xây khuôn viên mộ trên đất nhà bà. Sau đó bà cũng có vào nhà ông Nông Văn P nói chuyện nhưng ông Nông Văn P bảo với bà đấy là đất nhà ông Nông Văn P. Bà đã làm đơn lên Ủy ban phường Tam T, Ủy ban đã tiến hành hòa giải giữa bà và ông Nông Văn P nhưng không hòa giải được. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Yêu cầu ông Nông Văn P trả lại cho bà toàn bộ diện tích đất tranh chấp theo kết quả đo đạc, cụ thể gồm các diện tích đất sau: Diện tích 29,8m^2 thuộc thửa 4.1, diện tích 7,4m^2 thuộc thửa 4.2 đều thuộc tờ bản đồ số 39, bản đồ địa chính phường Tam T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích 34,3m^2 thuộc thửa 22.1, Diện tích 57,0m^2 thuộc thửa 22.2, diện tích 97,7m^2 thuộc thửa 22.3, tờ bản đồ số 48, bản đồ địa chính phường Tam T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.Tổng cộng: 226,2m^2.

Đối với các diện tích đất còn lại của thửa số 4, tờ bản đồ 39 và thửa 22, tờ bản đồ số 48, bản đồ địa chính phường Tam T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn nằm ngoài diện tích đất tranh chấp bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Bà yêu cầu ông Nông Văn P tháo dỡ, di dời khuôn viên mộ trên đất tranh chấp, có diện tích 64,1m^2. Bà yêu cầu ông Nông Văn P chấm dứt các hành vi tranh chấp đất đối với gia đình bà.Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ *Bị đơn ông Nông Văn P trình bày:* Đất của ông có tên là đồi Nà N, thuộc thửa đất số 04, tờ bản đồ số 39, đường Nà Trang B, phường Tam T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích của đất khoảng trên 1.000m^2. Đất của nhà ông giáp với đất bà Vy Thị M, đất ông Nông Văn L, đất nhà ông Nông Văn Phọn và giáp đất ruộng của gia đình ông. Về nguồn gốc đất: Thửa đất này ông đã được quản lý từ năm 1980, 1981, ông thấy đất hoang, không có ai quản lý nên ông quản lý. Ông không được cơ quan có thẩm quyền nào giao đất, đất này cũng không phải là đất thừa kế của bố, mẹ ông, ông chưa lên Ủy ban phường Tam T hay lên cơ quan có thẩm quyền nào để đi đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao giờ. Đất này không có sổ xanh, sổ đỏ, giấy tờ mua bán hay giấy giao đất gì. Về quá trình quản lý, sử dụng: Khoảng những năm 1980 thì ông có được trồng sắn ở trên đất, hiện nay những cây sắn mà ông trồng trên đất cũng không còn, hàng năm thì ông cũng có đi phát quang cây cỏ trên đất. Ông không được trồng cây thông, bạch đàn hay cây sa mộc gì trên đất, Bà M có trồng hàng cây bạch đàn để làm ranh giới với đất nhà ông, những cây bạch đàn này hiện nay cây vẫn còn. Tháng 3 năm 2023, ông tự lo cho bản thân ông nên mới xây khuôn viên mộ. Lúc ông đang xây khuôn viên mộ thì không ai có ý kiến gì, cũng không ai cản trở. Khi ông xây xong thì bà Vy Thị M mới không nhất trí và làm đơn lên Ủy ban phường. Phần đất không tranh chấp thì ông cũng xây khuôn viên mộ,

ngoài ra ông không xây công trình gì khác và không trồng cây gì khác. Khoảng tháng 07 năm 2023 thì giữa gia đình ông với gia đình bà Vy Thị M mới phát sinh tranh chấp, ông cũng không rõ tại sao bà Vy Thị M lại tranh chấp với ông. Ông không được cuốc vào đất của bà Vy Thị M, cũng không được chặt cây gì của bà Vy Thị M. Ông xây khuôn viên mộ hoàn toàn trong phần đất của ông. Chi phí xây dựng khuôn viên mộ khoảng 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, do các con ông cùng bỏ ra. Thời gian xây khuôn viên mộ khoảng hơn 1 tuần, diện tích khoảng hơn 60m^2.

Ngày 05/3/2024, ông Nông Văn P đã có yêu cầu phản tố: Ông yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp tổng cộng là khoảng 226,2 m^2 thuộc 1 phần thửa số 04, tờ bản đồ 39 và 1 phần thửa số 22, tờ bản đồ số 48 bản đồ địa chính phường Tam T, thành phố L, theo kết quả đo đạc mà Hội đồng thẩm định đã đi xem xét thẩm định. Ông Nông Văn P yêu cầu được quản lý, sử dụng tài sản trên đất là khuôn viên mộ mà gia đình ông đã xây, ông yêu cầu bà Vy Thị M và gia đình chấm dứt hành vi tranh chấp đất đối với diện tích đất của gia đình ông.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ Anh Nông Văn Đ trình bày như sau: Anh là con trai của ông Nông Văn P, về đất tranh chấp thì gia đình anh đã sử dụng từ lâu. Khi lớn lên thì anh có được hộ bố mẹ anh trồng sắn, trồng đỗ, ngoài ra có trồng một vài cây bạch đàn. Cây bạch đàn thì gia đình anh đã khai thác nên hiện nay không còn nữa, các cây sắn, cây đỗ hiện nay cũng không còn do gia đình anh đã thu hoạch hết. Về các phía tiếp giáp, đất nhà anh giáp nhà bà Vy Thị M, nhà ông Nông Văn L, nhà ông P2. Đất nhà anh ở phía dưới đất nhà bà M. Đất giữa nhà anh và nhà bà M có ranh giới là một cái rãnh do bố mẹ anh cuốc, hiện nay cái rãnh này vẫn còn. Khoảng tháng 4 năm 2022 thì anh và anh Nông Văn B là anh trai của anh bắt đầu xây dựng khuôn viên mộ ở trên đất, từ khi gia đình anh bắt đầu xây dựng khuôn viên mộ cho đến khi xây xong thì không ai có ý kiến gì, cũng không ai ngăn cản gì. Gia đình nhà bà Vy Thị M cũng biết việc gia đình anh xây dựng khuôn viên mộ vì nhà bà M cũng ở gần đó nhưng gia đình bà Vy Thị M cũng không có ý kiến gì, không ngăn cản gì. Khuôn viên mộ được xây dựng trên đất của gia đình anh. Về chi phí xây dựng khuôn viên mộ có anh, anh Nông Văn B, ông Nông Văn P cùng nhau bỏ ra hết khoảng 60.000.000 đồng. Bản thân anh được bỏ ra 10.000.000 đồng. Về các yêu cầu khởi kiện của bà Vy Thị M anh không đồng ý vì đất đó là đất của gia đình nhà anh đã sử dụng từ lâu. Do anh bận công việc nên anh xin được vắng mặt tại tất cả các giai đoạn tố tụng tại Tòa án. Anh giữ nguyên các ý kiến đã trình bày, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

+ Ông Nông Văn L trình bày như sau: Bố mẹ của ông và bố mẹ của ông Nông Văn P là anh em cùng họ, tôi gọi ông Nông Văn P là chú. Về nguồn gốc thửa đất 22: Ông cũng không rõ thửa đất 22 có diện tích bao nhiêu, ông chỉ biết gia đình ông làm vườn đến đâu thì đất đến đấy. Về các phía tiếp giáp của thửa đất thì có giáp đất nhà bà Vy Thị M với đất nhà ông Nông Văn P. Từ những năm

1990 thì bố mẹ của ông đã khai phá đất, lúc khai phá đất thì bố mẹ ông chỉ trồng sắn, phần dưới thì có trồng cây bạch đàn, còn phần trên không trồng gì, chỉ có cây sa mộc tái sinh. Lúc bố mẹ ông chết thì ông vẫn được đi trồng sắn và trồng cây bạch đàn trên đất, ông chỉ trồng bạch đàn ở phần đất giáp nhà ông Nông Văn P, còn phần trên giáp với nhà bà Vy Thị M thì không trồng cây gì. Ranh giới giữa đất nhà ông với nhà ông Nông Văn P, bà Vy Thị M là các dấu vết cuốc đất, ông cũng không xây dựng gì làm ranh giới giữa đất nhà ông với đất nhà bà Vy Thị M, ông Nông Văn P. Ông chỉ được đi kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất một lần vào khoảng năm 2005. Tòa án đã cho ông xem kết quả đo đạc, ông xác định đất nhà ông chỉ đến phần ranh giới theo rãnh đào, còn phần diện tích đất đang tranh chấp giữa bà Vy Thị M và ông Nông Văn P là của nhà ông Nông Văn P không phải của ông. Còn đất nhà bà Vy Thị M ranh giới chỉ đến mấy cây bạch đàn nhỏ mà bà Vy Thị M đã trồng.

+ Anh Nông Văn B trình bày: Anh là con trai của ông Nông Văn P, về đất tranh chấp thì gia đình anh đã sử dụng từ lâu, anh cũng có ý kiến giống như ông Nông Văn P và anh trai Nông Văn Đ. Do anh bận công việc nên anh xin được vắng mặt tại tất cả các giai đoạn tố tụng tại Tòa án. Anh giữ nguyên các ý kiến đã trình bày, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

+ Chị Lương Thị X trình bày: Chị là con dâu của bà Vy Thị M, khoảng năm 2015 chị có được đi cạo nhựa thông trên đất bà Vy Thị M, chị nhất trí với ý kiến của bà Vy Thị M.

+ UBND phường Tam T, người đại diện theo ủy quyền bà Lê Thị N có ý kiến: Về nguồn gốc thửa đất số 4 tờ bản đồ số 39 và thửa đất số 22 tờ bản đồ số 48 là núi đất, không ghi tên chủ sử dụng đất, là đất rừng sản xuất, không nằm trong ranh giới thu hồi để thực hiện dự án, hồ sơ lưu trữ tại UBND phường không được giao quản lý thửa đất số 4 và thửa số 22 này. Cho đến nay UBND phường chưa nhận được hồ sơ kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 4 và số 22 tờ bản đồ số 48, bản đồ địa chính phường Tam T do gia đình bà Vy Thị M và ông Nông Văn P đến kê khai.

- *Người làm chứng trình bày:*

+ *Ông Vi Văn C trình bày:* Ông có mảnh vườn giáp đất ông Nông Văn L, ông Triệu và bà Vy Thị M. Ông không thấy bà Vy Thị M trồng cây bạch đàn hay cây gì khác, khoảng năm 1993, ông có thấy ông Nông Văn P trồng sắn trên đất tranh chấp, ông không thấy về việc nhà bà Vy Thị M bị cháy cây bạch đàn trên khu đất tranh chấp. Do bận công việc nên ông xin vắng mặt.

+ *Ông Lý Viết H trình bày:* Cách đây khoảng 20 năm, xứ đồi này gần đất vườn và đất ruộng của nhà ông Phùng. Trên khu đất tranh chấp ông thấy ông Phùng trồng sắn và trồng đỗ ở trên đó. Ông không thấy nhà bà M trồng cây gì trên đất tranh chấp. Ông không thấy việc nhà bà M bị cháy cây bạch đàn. Do bận công việc nên ông xin vắng mặt.

Với nội dung vụ án nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2024/DS-ST ngày 10/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Vy Thị M về việc yêu cầu được quản lý sử dụng diện tích đất rừng gồm 189 m^2 (kí hiệu thửa tạm là 22.1; 22.2 và 22.3, vị trí đỉnh thửa... thuộc 1 phần thửa số 22 tờ bản đồ số 48 bản đồ địa chính phường Tam T và 37,2 m^2 (kí hiệu thửa tạm là 04.1 và 04.2 vị trí đỉnh thửa là A10A1N1N2A2N3), thuộc 1 phần thửa đất số 4, tờ bản đồ địa chính số 39 bản đồ địa chính phường Tam T, thành phố L có địa chỉ tại khối *, phường Tam T, thành phố L.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Vy Thi M về việc di dời tài sản trên đất tranh chấp là khuôn viên mộ xây gạch ba banh, có diện tích 64 m^2 thuộc 1 phần thửa tạm 04.1 và 22.1 (vị trí đỉnh thửa A1.N1.N2.N3.A5.A6.A7. N4. N5.A10) ra khỏi diện tích đất tranh chấp có địa chỉ tại khối *, phường Tam T, thành phố L.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Vy Thi M về việc yêu cầu ông Nông Văn P và gia đình chấm dứt hành vi tranh chấp đối với diện tích đất rừng gồm: 189 m^2 (kí hiệu thửa tạm là 22.1; 22.2 và 22.3, vị trí đỉnh thửa A10.N5.A9.A8.A7.A6.A5.A4.A3.A2.N3) thuộc 1 phần thửa số 22 tờ bản đồ số 48 bản đồ địa chính phường Tam T và 37,2 m^2 (kí hiệu thửa tạm là 04.1 và 04.2 vị trí đỉnh thửa là A10. A1. N1. N2. A2. N3) thuộc 1 phần thửa đất số 4, tờ bản đồ địa chính số 39 bản đồ địa chính phường Tam T, thành phố L có địa chỉ tại khối *, phường Tam T, thành phố L.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nông Văn P, cụ thể ông Nông Văn P được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất rừng gồm 189 m^2 (kí hiệu thửa tạm là 22.1; 22.2 và 22.3, vị trí đỉnh thửa A10.N5.A9.A8.A7.A6.A5.A4.A3.A2.N3) thuộc 1 phần thửa số 22 tờ bản đồ số 48 bản đồ địa chính phường Tam T và 37,2 m^2 (kí hiệu thửa tạm là 04.1 và 04.2 vị trí đỉnh thửa là A10.A1.N1.N2.A2.N3) thuộc 1 phần thửa đất số 4, tờ bản đồ địa chính số 39 bản đồ địa chính phường Tam T, thành phố L có địa chỉ tại khối *, phường Tam T, thành phố L.

Ông Nông Văn P được quản lý, sử dụng khuôn viên mộ xây gạch ba banh, có diện tích là 64 m^2 thuộc 1 phần thửa tạm 04.1 và 22.1 (vị trí đỉnh thửa A1.N1.N2.N3.A5.A6.A7.N4.N5.A10) trên diện tích đất tranh chấp có địa chỉ tại khối *, phường Tam T, thành phố L. (về vị trí đỉnh thửa, độ dài các cạnh, vị trí tiếp giáp thửa đất có sơ đồ kèm theo).

3. Buộc bà Vy Thị M và gia đình chấm dứt hành vi tranh chấp đối với diện tích đất ông Nông Văn P được quản lý sử dụng gồm 189 m^2 (kí hiệu thửa tạm là 22.1; 22.2 và 22.3, vị trí đỉnh thửa ... thuộc 1 phần thửa số 22 tờ bản đồ số 48 bản đồ địa chính phường Tam T và 37,2 m^2 (kí hiệu thửa tạm là 04.1 và 04.2 vị trí đỉnh thửa là A10.A1.N1.N2.A2.N3) thuộc 1 phần thửa đất số 4, tờ bản đồ địa chính số 39 bản đồ địa chính phường Tam T, thành phố L có địa chỉ tại khối *, phường Tam T, thành phố L

4. Ông Nông Văn P có quyền, nghĩa vụ có quyền, nghĩa vụ đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đối với diện tích đất gồm 189 m^2 (kí hiệu thửa tạm là 22.1; 22.2 và 22.3, vị trí đỉnh thửa A10. N5.A9.A8.A7.A6.A5.A4.A3.A2.N3) thuộc 1 phần thửa số 22 tờ bản đồ số 48 bản đồ địa chính phường Tam T và 37,2 m^2 (kí hiệu thửa tạm là 04.1 và 04.2 vị trí đỉnh thửa là A10.A1.N1.N2.A2.N3) thuộc 1 phần thửa đất số 4, tờ bản đồ địa chính số 39 bản đồ địa chính phường Tam T, thành phố L có địa chỉ tại khối *, phường Tam T, thành phố L.

5. Bà Vy Thị M phải chịu chi phí thẩm định, định giá, đo đạc tổng cộng là 14.016.000 (mười bốn triệu không trăm mười sáu nghìn) đồng. Xác nhận bà Vy Thị M đã nộp đủ chi phí tố tụng.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, nguyên đơn bà Vy Thị M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xử không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, không chịu chi phí tố tụng. Buộc bị đơn ông Nông Văn P phải chịu chi phí tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết kháng cáo: Kháng cáo của nguyên đơn bà Vy Thị M được làm trong thời hạn luật định, nên kháng cáo là hợp lệ.

3. Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn: Diện tích đất tranh chấp được xác định là 226,2m^2. Trong đó189 m^2 (kí hiệu thửa tạm là 22.1; 22.2 và 22.3), thuộc 1 phần thửa số 22 tờ bản đồ số 48 và 37,2 m^2 (kí hiệu thửa tạm là 04.1 và 04.2) thuộc 1 phần thửa đất số 04, tờ bản đồ địa chính số 39 bản đồ địa chính phường Tam T, thành phố L. Xét thấy, cả 2 bên đương sự chưa ai được cấp GCNQSDĐ, chưa từng đi kê khai xin cấp, không có giấy tờ quản lý nhà nước về việc được giao quyền quản lý, sử dụng, không phải là nguồn gốc thừa kế do cha ông để lại. Do đó, các đương sự đều không chứng minh được nguồn gốc đất. Bản án dân sự sơ thẩm nhận định gia đình bị đơn ông Nông Văn P có quá trình quản lý, sử dụng đối với diện tích đất tranh chấp là không đảm bảo căn cứ. Theo Công văn số 2724/UBND-TNMT ngày 10/9/2024 của UBND thành phố L: Khu mộ do bị đơn ông Nông Văn P xây dựng trên đất rừng sản xuất. Theo quy định

tại khoản 3 Điều 162 Luật Đất đai 2013 thì hành vi chuyển đất rừng sản xuất sang đất phi nông nghiệp không được cơ quan có thẩm quyền cho phép là hành vi vi phạm, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính Phủ. Hiện nay, cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện xử lý vi phạm hành chính đối với trường hợp trên.

Từ những đánh giá trên, thấy rằng Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 08/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Vì vậy, nguyên đơn kháng cáo là không có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Lạng sơn xử chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nông Văn P là không có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân; chấp nhận một phần kháng cáo của bà Vy Thị M, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 08/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, theo hướng không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nông Văn P.

Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Vy Thị M không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng.

Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận một phần, nguyên đơn và bị đơn thuộc trường hợp được miễn nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, một số đương sự vắng mặt, nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt và Kiểm sát viên đều đề nghị xét xử vắng mặt họ. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Vy Thị M. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng; Diện tích đất tranh chấp được xác định là 244, 6m^2 thuộc thửa đất số 04, tờ bản đồ số 39 có địa chỉ tại khối *, phường Tam T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn và yêu cầu ông Nông Văn P di dời tài sản của ông Nông Văn P là khuôn viên mộ ra khỏi đất tranh chấp. Sau khi có kết quả xem xét thẩm định, bà Vy Thị M đã thay đổi yêu cầu, cụ thể: Bà Vy Thị M yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp bao gồm: Diện tích 29, 8m^2 thuộc thửa 4.1 tờ bản đồ số 39. Diện tích 7,4m^2 thuộc thửa 4.2, tờ bản đồ số 39. Diện tích 34,3m^2 thuộc thửa 22.1, tờ bản đồ số 48. Diện tích 57,0m^2 thuộc thửa 22.2. Diện tích 97,7m^2 thuộc thửa 22.3, tờ bản đồ số 48, bản đồ địa chính phường Tam T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Tổng diện tích đất tranh chấp là 226,2m^2. Về tài sản

trên đất; bà Vy Thị M yêu cầu ông Nông Văn P di dời khuôn viên mộ đã xây ra khỏi đất tranh chấp. Tất cả diện tích đất tranh chấp đều là đất rừng sản xuất (RST), nguyên đơn và bị đơn chưa ai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 04 và thửa đất số 22, tờ bản đồ số 39 và tờ bản đồ số 48, bản đồ địa chính phường Tam T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Mặt khác, theo mảnh trích đo ngày 28/12/2023 (BL số 79), thửa đất số 22, tờ bản đồ số 48, mang tên ông Nông Văn L là người quản lý sử dụng.

[3] Xét về nguồn gốc đất tranh chấp: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Diện tích đất tranh chấp gồm 189 m^2 (kí hiệu thửa tạm là 22.1; 22.2 và 22.3) thuộc 1 phần thửa số 22 tờ bản đồ số 48 bản đồ địa chính phường Tam T mang tên ông Nông Văn L là người quản lý sử dụng. và 37,2 m^2 (kí hiệu thửa tạm là 04.1 và 04.2) thuộc 1 phần thửa đất số 4, tờ bản đồ địa chính số 39 bản đồ địa chính phường Tam T, thành phố L mang tên bà Vy Thị M là người quản lý sử dụng, có nguồn gốc là đất đồi hoang, không được giao cho cá nhân nào quản lý, sử dụng. Đến năm 2023, ông Nông Văn P xây dựng khuôn viên mộ, 2 bên đương sự mới phát sinh tranh chấp. Diện tích đất tranh chấp ký hiệu trên mảnh trích đo ngày 28/12/2023 (BL số 79) là đất rừng. Tại công văn số 292 ngày 30/01/2024 của UBND thành phố L và ý kiến cuả UBND phường Tam T, thành phố L khẳng định: Về nguồn gốc thửa đất số 4 tờ bản đồ số 39 là núi đất, không ghi tên chủ sử dụng đất, là đất rừng sản xuất, hồ sơ lưu trữ tại UBND phường không được giao quản lý các thửa đất này. Cho đến nay UBND phường chưa nhận được hồ sơ kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 04 tờ bản đồ số 39 và thửa đất số 22 tờ bản đồ số 48, bản đồ địa chính phường Tam T của gia đình bà Vy Thị M và ông Nông Văn P. Mặt khác, bà Vy Thị M khai đó là đất của bà nhưng nhiều năm liền bà không canh tác sử dụng đất, thậm chí nhiều năm liền không đến khu đất tranh chấp.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm khi thụ lý giải quyết đã có Công văn hỏi ý kiến Cơ quan có thẩm quyền về kế hoạch sử dụng đất...Đồng thời đã nhận được Văn bản trả lời (BL số 81, 82). Quá trình hòa giải và xét xử Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ các quy định của pháp luật xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi thụ lý giải quyết phúc thẩm, ngày 26/8/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã có Văn bản số 44/2024/CV-TA yêu cầu UBND thành phố L cung cấp tài liệu chứng cứ và nêu ý kiến đối với các diện tích đất tranh chấp. Ngày 11/9/2024, Tòa án nhân dân (TAND) tỉnh Lạng Sơn nhận được Công văn số 2724/UBND-TNMT đề ngày 10/9/2024 của UBND thành phố L về việc nêu ý kiến đối với việc liên quan đến diện tích đất đang tranh chấp nêu trên; khẳng định bà Vy Thị M và ông Nông Văn P không có hồ sơ kê khai của người sử dụng đất cũng như không có ý kiến xác nhận của UBND phường Tam T hoặc nơi cư trú của các đương sự này. Từ những phân tích nêu tại mục [2] và mục [3] của bản án này. Hội đồng xét xử nhận thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Vy Thị M, về việc yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất rừng đang tranh chấp.

[5] Xét kháng cáo về việc không phải chịu chi phí tố tụng của bà Vy Thị

M, Hội đồng xét xử thấy rằng; bà Vy Thị M khởi kiện đề nghị Tòa án thụ lý giải quyết đối với diện tích đất tranh chấp là 244, 6m^2 thuộc thửa đất số 04, tờ bản đồ số 39 có địa chỉ tại khối *, phường Tam T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn và yêu cầu ông Nông Văn P di dời tài sản của ông Nông Văn P là khuôn viên mộ ra khỏi đất tranh chấp. Sau khi có kết quả xem xét thẩm định và định giá, tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm bà Vy Thị M vẫn yêu cầu được quản lý sử dụng 189m^2 đất thuộc một phần thửa đất số 22, tờ bản đồ số 48 và 37,2m^2 đất thuộc một phần thửa đất số 04, tờ bản đồ số 39, bản đồ địa chính phường Tam T, thành phố L. Như đã phân tích nhận định tại phần trên của bản án. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên bà Vy Thị M phải chịu toàn bộ số tiền chi phí thẩm định là có căn cứ. Bởi vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo đối với yêu cầu này, vì không có căn cứ.

[6] Tuy nhiên, theo quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn thể hiện diện tích đất đang tranh chấp là đất rừng sản xuất (RST), căn cứ khoản 3 Điều 162 Luật đất đai năm 2013 quy định: Nghiêm cấm việc lập nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, cơ sở lưu giữ tro cốt trái với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất...Thì bị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, theo quy định tại Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án đã không soạn thảo văn bản để hỏi Cơ quan có thẩm quyền về vấn đề này là thiếu sót. Dẫn đến tại mục [14] phần nhận định và mục 2. phần quyết định của bản án sơ thẩm đã xử: Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nông Văn P... Nên, tại mục 4. phần quyết định của bản tuyên: Ông Nông Văn P có quyền, nghĩa vụ đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật...Tuyên như vậy là vi phạm khoản 3 Điều 162 Luật đất đai năm 2013 và tạo tiền lệ cho người khác xây cất phần mộ trên đất rừng sản xuất, trái với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Do đó, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Vy Thị M, đối với yêu cầu không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nông Văn P, đối với phần đất đã xây khuôn viên mộ. Hội đồng xét xử thấy cần phải sửa Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn. Xử không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nông Văn P.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[8] Về chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà Vy Thị M phải toàn bộ chịu chi phí tố tụng là 14.016.000 đồng. Xác nhận bà Vy Thị M đã nộp đủ số tiền chi phí tố tụng.

[9] Về án phí phúc thẩm: Bà Vy Thị M và ông Nông Văn P là người cao tuổi đã có đơn xin miễn án phí, nên Hội đồng xét xử miễn án phí cho bà Vy Thị M và ông Nông Văn P, theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[10] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 309; khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ, khoản 1, Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Vy Thị M. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2024/DS-ST ngày 10/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Cụ thể như sau:

Căn cứ khoản 9, 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, các Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 162, Điều 170, 203 Luật Đất đai năm 2013;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Vy Thị M về việc yêu cầu được quản lý sử dụng diện tích đất rừng gồm 189 m^2 (kí hiệu thửa tạm là 22.1; 22.2 và 22.3, vị trí đỉnh thửa A10. N5. A9. A8. A7. A6. A5. A4. A3. A2. N3) thuộc 1 phần thửa số 22 tờ bản đồ số 48 bản đồ địa chính phường Tam T và 37,2 m^2 (kí hiệu thửa tạm là 04.1 và 04.2, vị trí đỉnh thửa là A10. A1. N1. N2. A2. N3) thuộc 1 phần thửa đất số 4, tờ bản đồ địa chính số 39 bản đồ địa chính phường Tam T, thành phố L có địa chỉ tại khối *, phường Tam T, thành phố L.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Vy Thi M, về việc yêu cầu ông Nông Văn P di dời tài sản trên đất tranh chấp là khuôn viên mộ xây gạch ba banh, có diện tích 64 m^2 thuộc 1 phần thửa tạm 04.1 và 22.1 (vị trí đỉnh thửa A1. N1. N2. N3. A5. A6. A7. N4. N5. A10) ra khỏi diện tích đất tranh chấp có địa chỉ tại khối *, phường Tam T, thành phố L.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nông Văn P, được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất rừng gồm 189 m^2 (kí hiệu thửa tạm là 22.1; 22.2 và 22.3, vị trí đỉnh thửa A10. N5. A9. A8. A7. A6. A5. A4. A3. A2. N3) thuộc 1 phần thửa số 22 tờ bản đồ số 48 bản đồ địa chính phường Tam T và 37,2 m^2 (kí hiệu thửa tạm là 04.1 và 04.2, vị trí đỉnh thửa là A10. A1. N1. N2. A2. N3) thuộc 1 phần thửa đất số 4, tờ bản đồ địa chính số 39 bản đồ địa chính phường Tam T, thành phố L có địa chỉ tại khối *, phường Tam T, thành phố L.

(Có mảnh trích đo ngày 28/12/2023 kèm theo bản án).

3. Bà Vy Thị M phải chịu chi phí thẩm định, định giá, đo đạc tổng cộng là 14.016.000 (mười bốn triệu không trăm mười sáu nghìn) đồng. Xác nhận bà Vy Thị M đã nộp đủ chi phí tố tụng.

4. Về án phí phúc thẩm: Bà Vy Thị M và ông Nông Văn P được miễn toàn bộ án phí.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TANDTP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS TP L, tỉnh Lạng Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- HCTP; P. KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Đức Chiến